

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2023

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Bà Ngô Thị Bích Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Anh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ

hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào năm 2022. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình bên chồng tại Bắc Giang được 03 tháng. Cuộc sống chung giữa anh và chị L không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp, khác biệt về văn hóa vùng miền, bất đồng quan điểm, chị L bỏ nhà đi từ ngày 23/6/2022, từ đó đến nay cả hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Hiện nay, anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L thông qua gia đình nhưng chị L cố tình lẩn tránh không đến Tòa án để tham gia giải quyết. Vì vậy, phía bị đơn chị Nguyễn Thị L mặc dù biết việc anh T ly hôn nhưng vẫn không có bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng, phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia giải quyết tại Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L, về con chung, tài sản chung, nợ chung anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/3/2022. Việc kết hôn giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự

nguyên, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của anh T và người làm chứng anh Nguyễn Đình S (anh ruột chị L, hiện đang sống cùng nhà với chị L) đều thể hiện: Trong thời gian chung sống, giữa anh T, chị L có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị đã không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, hiện nay các bên đã không còn chung sống với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế, dẫn đến tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về con chung, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009085 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- CCTHADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trình Minh Hùng